



BGQD TMC ÁP DỤNG TỪ THÁNG 9 NĂM 2026 (BẢO GIÁ)

Hà nội, ngày ... tháng ... năm 2026

BÊN BÁN	BÊN MUA
CÔNG TY ĐIỆN - ĐIỆN TỬ 3C	
Địa chỉ:	
Tel/Fax/Email:	
MS thuế/ MS Doanh Nghiệp: 0101316049	
Tài khoản:	
Người đại diện:	

3CElectric xin cảm ơn sự quan tâm của Quý Khách đến sản phẩm của chúng tôi. Căn cứ trên hồ sơ kỹ thuật công trình nhận được, chúng tôi xin trân trọng gửi đến Quý Khách Báo Giá các sản phẩm yêu cầu

GBQD MÁNG CÁP MẠ ĐIỆN PHÂN 2026 (Áp dụng từ 260915)

TT	Hạng mục	Mã sản phẩm	ĐV Tinh	SL (Chi tiết)	Số lượng tính	Đơn giá	Thành Tiền	Hãng SX/Bảo hành
I	MÁNG CÁP- THÉP CT3, MẠ ĐIỆN PHÂN, DÀY 0.8MM							
	Máng cáp 50x50, mạ điện phân, dày 0.8mm							3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 50x50 dày 0.8	3C-M50x50-Z0.8	m	1	1	57.650	57.650,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 50 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU50-Z0.8	m	1	1	26.790	26.790,48	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM50x50-Z0.8	c	1	1	57.650	57.650,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU50-Z0.8	c	1	1	26.790	26.790,48	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM50x50-Z0.8	c	1	1	57.650	57.650,40	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU50-Z0.8	c	1	1	26.790	26.790,48	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM50x50-Z0.8	c	1	1	57.650	57.650,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU50-Z0.8	c	1	1	26.790	26.790,48	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T 0.8	3C-TM50x50-Z0.8	c	1	1	74.946	74.945,52	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU50-Z0.8	c	1	1	34.828	34.827,62	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM50x50-Z0.8	c	1	1	86.476	86.475,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU50-Z0.8	c	1	1	40.186	40.185,72	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 75x50, mạ điện phân, dày 0.8mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 75x50 dày 0.8	3C-M75x50-Z0.8	m	1	1	66.128	66.128,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 75 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU75-S0.8	m	1	1	35.608	35.607,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM75x50-Z0.8	c	1	1	66.128	66.128,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU75-Z0.8	c	1	1	35.608	35.607,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM75x50-S0.8	c	1	1	66.128	66.128,40	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU75-Z0.8	c	1	1	35.608	35.607,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM75x50-Z0.8	c	1	1	66.128	66.128,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU75-Z0.8	c	1	1	35.608	35.607,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM75x50-Z0.8	c	1	1	85.967	85.966,92	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU75-Z0.8	c	1	1	46.290	46.289,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM75x50-Z0.8	c	1	1	99.193	99.192,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU75-Z0.8	c	1	1	53.411	53.411,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x50, mạ điện phân, dày 0.8mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 100x50 dày 0.8	3C-M100x50-Z0.8	m	1	1	74.606	74.606,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 100 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU100-Z0.8	m	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM100x50-Z0.8	c	1	1	74.606	74.606,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 0.8	3C-LNU100-Z0.8	c	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM100x50-Z0.8	c	1	1	74.606	74.606,40	3CElectric/ 02 năm

6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU100-Z0.8	c	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM100x50-Z0.8	c	1	1	74.606	74.606,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU100-Z0.8	c	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM100x50-Z0.8	c	1	1	96.988	96.988,32	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU100-Z0.8	c	1	1	57.311	57.311,28	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM100x50-Z0.8	c	1	1	111.910	111.909,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU100-Z0.8	c	1	1	66.128	66.128,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x75, mạ điện phân, dày 0.8mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 100x75 dày 0.8	3C-M100x75-Z0.8	m	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 100 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU100-Z0.8	m	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM100x75-Z0.8	c	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU100-Z0.8	c	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM100x75-Z0.8	c	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU100-Z0.8	c	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM100x75-Z0.8	c	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU100-Z0.8	c	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM100x75-Z0.8	c	1	1	119.031	119.031,12	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU100-Z0.8	c	1	1	57.311	57.311,28	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM100x75-Z0.8	c	1	1	137.344	137.343,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU100-Z0.8	c	1	1	66.128	66.128,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x100, mạ điện phân, dày 0.8mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 100x100 dày 0.8	3C-M100x100-Z0.8	m	1	1	108.518	108.518,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 100 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU100-Z0.8	m	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM100x100-Z0.8	c	1	1	108.518	108.518,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU100-Z0.8	c	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM100x100-Z0.8	c	1	1	108.518	108.518,40	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU100-Z0.8	c	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM100x100-Z0.8	c	1	1	108.518	108.518,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU100-Z0.8	c	1	1	44.086	44.085,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM100x100-Z0.8	c	1	1	141.074	141.073,92	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU100-Z0.8	c	1	1	57.311	57.311,28	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM100x100-Z0.8	c	1	1	162.778	162.777,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU100-Z0.8	c	1	1	66.128	66.128,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x50, mạ điện phân, dày 0.8mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phẳn 150x50 dày 0.8	3C-M150x50-Z0.8	m	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU150-Z0.8	m	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM150x50-Z0.8	c	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU150-Z0.8	c	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM150x50-Z0.8	c	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU150-Z0.8	c	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM150x50-Z0.8	c	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU150-Z0.8	c	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM150x50-Z0.8	c	1	1	119.031	119.031,12	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU150-Z0.8	c	1	1	79.354	79.354,08	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM150x50-Z0.8	c	1	1	137.344	137.343,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU150-Z0.8	c	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x75, mạ điện phân, dày 0.8mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân150x75 dày 0.8	3C-M150x75-Z0.8	m	1	1	108.518	108.518,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU150-Z0.8	m	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM150x75-Z0.8	c	1	1	108.518	108.518,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU150-Z0.8	c	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm

5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM150x75-Z0.8	c	1	1	108.518	108.518,40	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU150-Z0.8	c	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM150x75-Z0.8	c	1	1	108.518	108.518,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU150-Z0.8	c	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM150x75-Z0.8	c	1	1	141.074	141.073,92	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU150-Z0.8	c	1	1	79.354	79.354,08	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM150x75-Z0.8	c	1	1	162.778	162.777,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU150-Z0.8	c	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x100, mạ điện phân, dày 0.8mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 150x100 dày 0.8	3C-M150x100-Z0.8	m	1	1	125.474	125.474,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU150-Z0.8	m	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM150x100-Z0.8	c	1	1	125.474	125.474,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU150-Z0.8	c	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM150x100-Z0.8	c	1	1	125.474	125.474,40	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU150-Z0.8	c	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM150x100-Z0.8	c	1	1	125.474	125.474,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU150-Z0.8	c	1	1	61.042	61.041,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM150x100-Z0.8	c	1	1	163.117	163.116,72	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU150-Z0.8	c	1	1	79.354	79.354,08	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM150x100-Z0.8	c	1	1	188.212	188.211,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU150-Z0.8	c	1	1	91.562	91.562,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x75, mạ điện phân, dày 0.8mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x75 dày 0.8	3C-M200x75-Z0.8	m	1	1	125.474	125.474,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU200-Z0.8	m	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM200x75-Z0.8	c	1	1	125.474	125.474,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU200-Z0.8	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM200x75-Z0.8	c	1	1	125.474	125.474,40	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU200-Z0.8	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM200x75-Z0.8	c	1	1	125.474	125.474,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU200-Z0.8	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM200x75-Z0.8	c	1	1	163.117	163.116,72	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU200-Z0.8	c	1	1	101.397	101.396,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM200x75-Z0.8	c	1	1	188.212	188.211,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU200-Z0.8	c	1	1	116.996	116.996,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x100, mạ điện phân, dày 0.8mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x100 dày 0.8	3C-M200x100-Z0.8	m	1	1	142.430	142.430,40	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 0.8	3C-NU200-Z0.8	m	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM200x100-Z0.8	c	1	1	142.430	142.430,40	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU200-Z0.8	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM200x100-Z0.8	c	1	1	142.430	142.430,40	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU200-Z0.8	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM200x100-Z0.8	c	1	1	142.430	142.430,40	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU200-Z0.8	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM200x100-Z0.8	c	1	1	185.160	185.159,52	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU200-Z0.8	c	1	1	101.397	101.396,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM200x100-Z0.8	c	1	1	213.646	213.645,60	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU200-Z0.8	c	1	1	116.996	116.996,40	3CElectric/ 02 năm
II	MÁNG CÁP - VẬT LIỆU THÉP CT3, MẠ ĐIỆN PHÂN, DÀY 1.0MM				1		-	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 50x50, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 50x50 dày 1.0	3C-M50x50-Z1.0	m	1	1	65.940	65.940,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 50 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU50-Z1.0	m	1	1	30.144	30.144,00	3CElectric/ 02 năm

3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM50x50-Z1.0	c	1	1	65.940	65.940,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU50-Z1.0	c	1	1	30.144	30.144,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM50x50-Z1.0	c	1	1	65.940	65.940,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU50-Z1.0	c	1	1	30.144	30.144,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM50x50-Z1.0	c	1	1	65.940	65.940,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU50-Z1.0	c	1	1	30.144	30.144,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM50x50-Z1.0	c	1	1	85.722	85.722,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp Tdày 1.0	3C-TNU50-Z1.0	c	1	1	39.187	39.187,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM50x50-Z1.0	c	1	1	98.910	98.910,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU50-Z1.0	c	1	1	45.216	45.216,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 75x50, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 75x50 dày 1.0	3C-M75x50-Z1.0	m	1	1	75.360	75.360,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 75 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU75-Z1.0	m	1	1	39.564	39.564,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM75x50-Z1.0	c	1	1	75.360	75.360,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU75-Z1.0	c	1	1	39.564	39.564,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM75x50-Z1.0	c	1	1	75.360	75.360,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU75-Z1.0	c	1	1	39.564	39.564,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM75x50-Z1.0	c	1	1	75.360	75.360,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU75-Z1.0	c	1	1	39.564	39.564,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM75x50-Z1.0	c	1	1	97.968	97.968,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp Tdày 1.0	3C-TNU75-Z1.0	c	1	1	51.433	51.433,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM75x50-Z1.0	c	1	1	113.040	113.040,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU75-Z1.0	c	1	1	59.346	59.346,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x50, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 100x50 dày 1.0	3C-M100x50-Z1.0	m	1	1	84.780	84.780,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 100 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU100-Z1.0	m	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM100x50-Z1.0	c	1	1	84.780	84.780,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU100-Z1.0	c	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM100x50-Z1.0	c	1	1	84.780	84.780,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU100-Z1.0	c	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM100x50-Z1.0	c	1	1	84.780	84.780,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU100-Z1.0	c	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM100x50-Z1.0	c	1	1	110.214	110.214,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU100-Z1.0	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM100x50-SZ1.0	c	1	1	127.170	127.170,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU100-Z1.0	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x75, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân100x75 dày 1.0	3C-M100x75-Z1.0	m	1	1	103.620	103.620,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 100 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU100-Z1.0	m	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM100x75-Z1.0	c	1	1	103.620	103.620,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU100-Z1.0	c	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM100x75-Z1.0	c	1	1	103.620	103.620,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU100-Z1.0	c	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM100x75-Z1.0	c	1	1	103.620	103.620,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU100-Z1.0	c	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM100x75-Z1.0	c	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU100-Z1.0	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM100x75-Z1.0	c	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU100-Z1.0	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x100, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 100x100 dày 1.0	3C-M100x100-Z1.0	m	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm

2	Nắp máng 100 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU100-Z1.0	m	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM100x100-Z1.0	c	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU100-Z1.0	c	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM100x100-Z1.0	c	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU100-Z1.0	c	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM100x100-Z1.0	c	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU100-Z1.0	c	1	1	48.984	48.984,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM100x100-Z1.0	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU100-Z1.0	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM100x100-Z1.0	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU100-Z1.0	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x50, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 150x50 dày 1.0	3C-M150x50-Z1.0	m	1	1	103.620	103.620,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU150-Z1.0	m	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM150x50-Z1.0	c	1	1	103.620	103.620,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU150-Z1.0	c	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM150x50-Z1.0	c	1	1	103.620	103.620,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU150-Z1.0	c	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM150x50-Z1.0	c	1	1	103.620	103.620,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU150-Z1.0	c	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM150x50-Z1.0	c	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU150-Z1.0	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM150x50-Z1.0	c	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU150-Z1.0	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x75, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân150x75 dày 1.0	3C-M150x75-Z1.0	m	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU150-Z1.0	m	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM150x75-Z1.0	c	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU150-Z1.0	c	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM150x75-Z1.0	c	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU150-Z1.0	c	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM150x75-Z1.0	c	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU150-Z1.0	c	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM150x75-Z1.0	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU150-Z1.0	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM150x75-Z1.0	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU150-Z1.0	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x100, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân150x100 dày 1.0	3C-M150x100-Z1.0	m	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU150-Z1.0	m	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM150x100-Z1.0	c	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU150-Z1.0	c	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM150x100-Z1.0	c	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU150-Z1.0	c	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM150x100-Z1.0	c	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU150-Z1.0	c	1	1	67.824	67.824,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối Tdày 1.0	3C-TM150x100-Z1.0	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU150-Z1.0	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM150x100-Z1.0	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU150-Z1.0	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x50, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm

1	Máng cáp mạ điện phân 200x50 dày 1.0	3C-M200x50-S1.0	m	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU200-Z1.0	m	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM200x50-Z1.0	c	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU200-Z1.0	c	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM200x50-Z1.0	c	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU200-Z1.0	c	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM200x50-Z1.0	c	1	1	122.460	122.460,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU200-Z1.0	c	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM200x50-Z1.0	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU200-Z1.0	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM200x50-Z1.0	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU200-Z1.0	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x75, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mak điện phân 200x75 dày 1.0	3C-M200x75-Z1.0	m	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU200-Z1.0	m	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM200x75-Z1.0	c	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU200-Z1.0	c	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM200x75-Z1.0	c	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU200-Z1.0	c	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM200x75-Z1.0	c	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU200-Z1.0	c	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM200x75-Z1.0	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU200-Z1.0	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM200x75-Z1.0	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU200-Z1.0	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x100, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x100 dày 1.0	3C-M200x100-Z1.0	m	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU200-Z1.0	m	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM200x100-Z1.0	c	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU200-Z1.0	c	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM200x100-Z1.0	c	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU200-Z1.0	c	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM200x100-Z1.0	c	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU200-Z1.0	c	1	1	86.664	86.664,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM200x100-Z1.0	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU200-Z1.0	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM200x100-Z1.0	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU200-Z1.0	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 250x50, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x50 dày 1.0	3C-M250x50-Z1.0	m	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 250 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU250-Z1.0	m	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM250x50-Z1.0	c	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU250-Z1.0	c	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM250x50-Z1.0	c	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU250-Z1.0	c	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM250x50-Z1.0	c	1	1	141.300	141.300,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU250-Z1.0	c	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM250x50-Z1.0	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU250-Z1.0	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM250x50-Z1.0	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU250-Z1.0	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/ 02 năm

	Máng cáp 250x75, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x75 dày 1.0	3C-M250x75-Z1.0	m	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 250 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU250-Z1.0	m	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM250x75-Z1.0	c	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU250-Z1.0	c	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM250x75-Z1.0	c	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU250-Z1.0	c	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM250x75-Z1.0	c	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU250-Z1.0	c	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM250x75-Z1.0	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU250-Z1.0	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM250x75-Z1.0	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU250-Z1.0	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 250x100, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x100 dày 1.0	3C-M250x100-Z1.0	m	1	1	178.980	178.980,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 250 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU250-Z1.0	m	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM250x100-Z1.0	c	1	1	178.980	178.980,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU250-Z1.0	c	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM250x100-Z1.0	c	1	1	178.980	178.980,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU250-Z1.0	c	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM250x100-Z1.0	c	1	1	178.980	178.980,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU250-Z1.0	c	1	1	105.504	105.504,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM250x100-Z1.0	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU250-Z1.0	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM250x100-Z1.0	c	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU250-Z1.0	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x50, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x50 dày 1.0	3C-M300x50-Z1.0	m	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dày 1.0	3C-NU300-Z1.0	m	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM300x50-Z1.0	c	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU300-Z1.0	c	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM300x50-Z1.0	c	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU300-Z1.0	c	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM300x50-Z1.0	c	1	1	160.140	160.140,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU300-Z1.0	c	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM300x50-Z1.0	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU300-Z1.0	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM300x50-Z1.0	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU300-Z1.0	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x75, mạ điện phân, dày 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x75 dày 1.0	3C-M300x75-Z1.0	m	1	1	178.980	178.980,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân điện dày 1.0	3C-NU300-Z1.0	m	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM300x75-Z1.0	c	1	1	178.980	178.980,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU300-Z1.0	c	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM300x75-Z1.0	c	1	1	178.980	178.980,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU300-Z1.0	c	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM300x75-Z1.0	c	1	1	178.980	178.980,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU300-Z1.0	c	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM300x75-Z1.0	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU300-Z1.0	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM300x75-Z1.0	c	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/ 02 năm

12	Nắp cút nối X dây 1.0	3C-XNU300-Z1.0	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x100, mạ điện phân, dây 1.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x100 dây 1.0	3C-M300x100-Z1.0	m	1	1	197.820	197.820,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dây 1.0	3C-NU300-Z1.0	m	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.0	3C-LM300x100-Z1.0	c	1	1	197.820	197.820,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.0	3C-LNU300-Z1.0	c	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.0	3C-CLM300x100-Z1.0	c	1	1	197.820	197.820,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.0	3C-CLNU300-Z1.0	c	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.0	3C-CXM300x100-Z1.0	c	1	1	197.820	197.820,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.0	3C-CXNU300-Z1.0	c	1	1	124.344	124.344,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 1.0	3C-TM300x100-Z1.0	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 1.0	3C-TNU300-Z1.0	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 1.0	3C-XM300x100-Z1.0	c	1	1	296.730	296.730,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.0	3C-XNU300-Z1.0	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/ 02 năm
	III MÁNG CÁP - VẬT LIỆU THÉP CT3, SƠN TĨNH ĐIỆN, DÂY 1.2MM				1		-	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x50, mạ điện phân, dây 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp sơn tĩnh điện 100x50 dây 1.2	3C-M100x50-Z1.2	m	1	1	97.497	97.497,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng cáp sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-NU100-Z1.2	m	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-LM100x50-Z1.2	c	1	1	97.497	97.497,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-LNU100-Z1.2	c	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM100x50-Z1.2	c	1	1	97.497	97.497,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.2	3C-CLNU100-Z1.2	c	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM100x50-Z1.2	c	1	1	97.497	97.497,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU100-Z1.2	c	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-TM100x50-Z1.2	c	1	1	126.746	126.746,10	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-TNU100-Z1.2	c	1	1	73.231	73.231,08	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-XM100x50-Z1.2	c	1	1	146.246	146.245,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-XNU100-Z1.2	c	1	1	84.497	84.497,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x75, mạ điện phân, dây 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp sơn tĩnh điện 100x75 dây 1.2	3C-M100x75-Z1.2	m	1	1	119.163	119.163,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng cáp sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-NU100-Z1.2	m	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-LM100x75-Z1.2	c	1	1	119.163	119.163,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-LNU100-Z1.2	c	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM100x75-Z1.2	c	1	1	119.163	119.163,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.2	3C-CLNU100-Z1.2	c	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM100x75-Z1.2	c	1	1	119.163	119.163,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU100-Z1.2	c	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-TM100x75-Z1.2	c	1	1	154.912	154.911,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-TNU100-Z1.2	c	1	1	73.231	73.231,08	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-XM100x75-Z1.2	c	1	1	178.745	178.744,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-XNU100-Z1.2	c	1	1	84.497	84.497,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x100, mạ điện phân, dây 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 100x100 dây 1.2	3C-M100x100-Z1.2	m	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 100 mạ điện phân dây 1.2	3C-NU100-Z1.2	m	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.2	3C-LM100x100-Z1.2	c	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.2	3C-LNU100-Z1.2	c	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM100x100-Z1.2	c	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.2	3C-CLNU100-Z1.2	c	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM100x100-Z1.2	c	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU100-Z1.2	c	1	1	56.332	56.331,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T sơn tĩnh điện dây 1.2	3C-TM100x100-Z1.2	c	1	1	183.078	183.077,70	3CElectric/ 02 năm

10	Nắp T dây 1.2	3C-TNU100-Z1.2	c	1	1	73.231	73.231,08	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 1.2	3C-XM100x100-Z1.2	c	1	1	211.244	211.243,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.2	3C-XNU100-Z1.2	c	1	1	84.497	84.497,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x50, mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 150x50 dây 1.2	3C-M150x50-Z1.2	m	1	1	119.163	119.163,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU150-Z1.2	m	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.2	3C-LM150x50-Z1.2	c	1	1	119.163	119.163,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dây 1.2	3C-LNU150-Z1.2	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM150x50-Z1.2	c	1	1	119.163	119.163,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 1.2	3C-CLNU150-Z1.2	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM150x50-Z1.2	c	1	1	119.163	119.163,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU150-Z1.2	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 1.2	3C-TM150x50-Z1.2	c	1	1	154.912	154.911,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 1.2	3C-TNU150-Z1.2	c	1	1	101.397	101.396,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 1.2	3C-XM150x50-Z1.2	c	1	1	178.745	178.744,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.2	3C-XNU150-Z1.2	c	1	1	116.996	116.996,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x75, mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 150x75 dây 1.2	3C-M150x75-Z1.2	m	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU150-Z1.2	m	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.2	3C-LM150x75-Z1.2	c	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dây 1.2	3C-LNU150-Z1.2	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM150x75-Z1.2	c	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 1.2	3C-CLNU150-Z1.2	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM150x75-Z1.2	c	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU150-Z1.2	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 1.2	3C-TM150x75-Z1.2	c	1	1	183.078	183.077,70	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 1.2	3C-TNU150-Z1.2	c	1	1	101.397	101.396,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 1.2	3C-XM150x75-Z1.2	c	1	1	211.244	211.243,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.2	3C-XNU150-Z1.2	c	1	1	116.996	116.996,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x100, mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 150x100 dây 1.2	3C-M150x100-Z1.2	m	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU150-Z1.2	m	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.2	3C-LM150x100-Z1.2	c	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.2	3C-LNU150-Z1.2	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM150x100-Z1.2	c	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 1.2	3C-CLNU150-Z1.2	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM150x100-Z1.2	c	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU150-Z1.2	c	1	1	77.998	77.997,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 1.2	3C-TM150x100-Z1.2	c	1	1	211.244	211.243,50	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 1.2	3C-TNU150-Z1.2	c	1	1	101.397	101.396,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 1.2	3C-XM150x100-Z1.2	c	1	1	243.743	243.742,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.2	3C-XNU150-Z1.2	c	1	1	116.996	116.996,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x50, mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x50 dây 1.2	3C-M200x50-Z1.2	m	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU200-Z1.2	m	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.2	3C-LM200x50-Z1.2	c	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dây 1.2	3C-LNU200-Z1.2	c	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM200x50-Z1.2	c	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 1.2	3C-CLNU200-Z1.2	c	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM200x50-Z1.2	c	1	1	140.829	140.829,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU200-Z1.2	c	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm

9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM200x50-Z1.2	c	1	1	183.078	183.077,70	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU200-Z1.2	c	1	1	129.563	129.562,68	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM200x50-Z1.2	c	1	1	211.244	211.243,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU200-Z1.2	c	1	1	149.495	149.495,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x75, mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x75 dày 1.2	3C-M200x75-Z1.2	m	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU200-Z1.2	m	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM200x75-Z1.2	c	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU200-Z1.2	c	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM200x75-Z1.2	c	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU200-Z1.2	c	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM200x75-Z1.2	c	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU200-Z1.2	c	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM200x75-Z1.2	c	1	1	211.244	211.243,50	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU200-Z1.2	c	1	1	129.563	129.562,68	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM200x75-Z1.2	c	1	1	243.743	243.742,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU200-Z1.2	c	1	1	149.495	149.495,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x100, mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x100 dày 1.2	3C-M200x100-Z1.2	m	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU200-Z1.2	m	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM200x100-Z1.2	c	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU200-Z1.2	c	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM200x100-Z1.2	c	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU200-Z1.2	c	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM200x100-Z1.2	c	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU200-Z1.2	c	1	1	99.664	99.663,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM200x100-Z1.2	c	1	1	239.409	239.409,30	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU200-Z1.2	c	1	1	129.563	129.562,68	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM200x100-Z1.2	c	1	1	276.242	276.241,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU200-Z1.2	c	1	1	149.495	149.495,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 250x50 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x50 dày 1.2	3C-M250x50-Z1.2	m	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 250 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU250-Z1.2	m	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM250x50-Z1.2	c	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU250-Z1.2	c	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM250x50-Z1.2	c	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU250-Z1.2	c	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM250x50-Z1.2	c	1	1	162.495	162.495,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU250-Z1.2	c	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM250x50-Z1.2	c	1	1	211.244	211.243,50	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU250-Z1.2	c	1	1	157.728	157.728,48	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM250x50-Z1.2	c	1	1	243.743	243.742,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU250-Z1.2	c	1	1	181.994	181.994,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 250x75 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x75 dày 1.2	3C-M250x75-Z1.2	m	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 250 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU250-Z1.2	m	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang)dày 1.2	3C-LM250x75-Z1.2	c	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU250-Z1.2	c	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM250x75-Z1.2	c	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU250-Z1.2	c	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM250x75-Z1.2	c	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm

8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU250-Z1.2	c	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T son tinh điện dày 1.2	3C-TM250x75-Z1.2	c	1	1	239.409	239.409,30	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU250-Z1.2	c	1	1	157.728	157.728,48	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM250x75-Z1.2	c	1	1	276.242	276.241,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU250-Z1.2	c	1	1	181.994	181.994,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 250x100 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x100 dày 1.2	3C-M250x100-Z1.2	m	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 250 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU250-Z1.2	m	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM250x100-Z1.2	c	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU250-Z1.2	c	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM250x100-Z1.2	c	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU250-Z1.2	c	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM250x100-Z1.2	c	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU250-Z1.2	c	1	1	121.330	121.329,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM250x100-Z1.2	c	1	1	267.575	267.575,10	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU250-Z1.2	c	1	1	157.728	157.728,48	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM250x100-Z1.2	c	1	1	308.741	308.740,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối dày 1.2	3C-XNU250-Z1.2	c	1	1	181.994	181.994,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x50 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x50 dày 1.2	3C-M300x50-Z1.2	m	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU300-Z1.2	m	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM300x50-Z1.2	c	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU300-Z1.2	c	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM300x50-Z1.2	c	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU300-Z1.2	c	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM300x50-Z1.2	c	1	1	184.161	184.161,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU300-Z1.2	c	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM300x50-Z1.2	c	1	1	239.409	239.409,30	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU300-Z1.2	c	1	1	185.894	185.894,28	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM300x50-Z1.2	c	1	1	276.242	276.241,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU300-Z1.2	c	1	1	214.493	214.493,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x75 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x75 dày 1.2	3C-M300x75-Z1.2	m	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng dày 1.2	3C-NU300-Z1.2	m	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM300x75-Z1.2	c	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU300-Z1.2	c	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM300x75-Z1.2	c	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU300-Z1.2	c	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM300x75-Z1.2	c	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU300-Z1.2	c	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM300x75-Z1.2	c	1	1	267.575	267.575,10	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU300-Z1.2	c	1	1	185.894	185.894,28	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM300x75-Z1.2	c	1	1	308.741	308.740,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU300-Z1.2	c	1	1	214.493	214.493,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x100 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x100 dày 1.2	3C-M300x100-Z1.2	m	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU300-Z1.2	m	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM300x100-Z1.2	c	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU300-Z1.2	c	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM300x100-Z1.2	c	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU300-Z1.2	c	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm

7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM300x100-Z1.2	c	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU300-Z1.2	c	1	1	142.996	142.995,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM300x100-Z1.2	c	1	1	295.741	295.740,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU300-Z1.2	c	1	1	185.894	185.894,28	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM300x100-Z1.2	c	1	1	341.240	341.239,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU300-Z1.2	c	1	1	214.493	214.493,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 350x50 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 350x50 dày 1.2	3C-M350x50-Z1.2	m	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 350 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU350-Z1.2	m	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM350x50-Z1.2	c	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU350-Z1.2	c	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM350x50-Z1.2	c	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU350-Z1.2	c	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM350x50-Z1.2	c	1	1	205.827	205.827,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU350-Z1.2	c	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM350x50-Z1.2	c	1	1	267.575	267.575,10	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU350-Z1.2	c	1	1	214.060	214.060,08	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM350x50-Z1.2	c	1	1	308.741	308.740,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU350-Z1.2	c	1	1	246.992	246.992,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 350x75 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 350x75 dày 1.2	3C-M350x75-Z1.2	m	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 350 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU350-Z1.2	m	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM350x75-Z1.2	c	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU350-S1.2	c	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM350x75-Z1.2	c	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU350-Z1.2	c	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM350x75-Z1.2	c	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU350-Z1.2	c	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM350x75-Z1.2	c	1	1	295.741	295.740,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU350-Z1.2	c	1	1	214.060	214.060,08	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM350x75-Z1.2	c	1	1	341.240	341.239,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU350-Z1.2	c	1	1	246.992	246.992,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 350x100 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 350x100 dày 1.2	3C-M350x100-Z1.2	m	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 350 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU350-Z1.2	m	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM350x100-Z1.2	c	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU350-Z1.2	c	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM350x100-Z1.2	c	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU350-Z1.2	c	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM350x100-Z1.2	c	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU350-Z1.2	c	1	1	164.662	164.661,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM350x100-Z1.2	c	1	1	323.907	323.906,70	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU350-Z1.2	c	1	1	214.060	214.060,08	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM350x100-Z1.2	c	1	1	373.739	373.738,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU350-Z1.2	c	1	1	246.992	246.992,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 400x50 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 400x50 dày 1.2	3C-M400x50-Z1.2	m	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 400 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU400-Z1.2	m	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM40050-Z1.2	c	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU400-Z1.2	c	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM400x50-Z1.2	c	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm

6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU400-Z1.2	c	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM400x50-Z1.2	c	1	1	227.493	227.493,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU400-Z1.2	c	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM400x50-Z1.2	c	1	1	295.741	295.740,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU400-Z1.2	c	1	1	242.226	242.225,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM400x50-Z1.2	c	1	1	341.240	341.239,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU400-Z1.2	c	1	1	279.491	279.491,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 400x75 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 400x75 dày 1.2	3C-M400x75-Z1.2	m	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 400 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU400-Z1.2	m	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM400x75-Z1.2	c	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU400-Z1.2	c	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM400x75-Z1.2	c	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU400-Z1.2	c	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM400x75-Z1.2	c	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU400-Z1.2	c	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM400x75-Z1.2	c	1	1	323.907	323.906,70	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU400-Z1.2	c	1	1	242.226	242.225,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM400x75-Z1.2	c	1	1	373.739	373.738,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU400-Z1.2	c	1	1	279.491	279.491,40	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 400x100 mạ điện phân, dày 1.2mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 400x100 dày 1.2	3C-M400x100-Z1.2	m	1	1	270.825	270.825,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 400 mạ điện phân dày 1.2	3C-NU400-Z1.2	m	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM400x100-Z1.2	c	1	1	270.825	270.825,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU400-Z1.2	c	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM400x100-Z1.2	c	1	1	270.825	270.825,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU400-Z1.2	c	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM400x100-Z1.2	c	1	1	270.825	270.825,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU400-Z1.2	c	1	1	186.328	186.327,60	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM400x100-Z1.2	c	1	1	352.073	352.072,50	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU400-Z1.2	c	1	1	242.226	242.225,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM400x100-Z1.2	c	1	1	406.238	406.237,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU400-Z1.2	c	1	1	279.491	279.491,40	3CElectric/ 02 năm
IV	MÁNG CÁP - VẬT LIỆU THÉP CT3, MẠ ĐIỆN PHÂN, DÀY 1.5MM				1		-	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x50, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân100x50 dày 1.5	3C-M100x50-Z1.5	m	1	1	119.222	119.221,88	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 100 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU100-Z1.5	m	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM100x50-Z1.5	c	1	1	119.222	119.221,88	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU100-Z1.5	c	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM100x50-Z1.5	c	1	1	119.222	119.221,88	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU100-Z1.5	c	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM100x50-Z1.5	c	1	1	119.222	119.221,88	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU100-Z1.5	c	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM100x50-Z1.5	c	1	1	154.988	154.988,44	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU100-Z1.5	c	1	1	89.549	89.548,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM100x50-Z1.5	c	1	1	178.833	178.832,81	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU100-Z1.5	c	1	1	103.326	103.325,63	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x75, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân100x75 dày 1.5	3C-M100x75-Z1.5	m	1	1	145.716	145.715,63	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 100 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU100-Z1.5	m	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang dày 1.5	3C-LM100x75-Z1.5	c	1	1	145.716	145.715,63	3CElectric/ 02 năm

4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU100-Z1.5	c	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM100x75-Z1.5	c	1	1	145.716	145.715,63	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU100-Z1.5	c	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM100x75-Z1.5	c	1	1	145.716	145.715,63	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU100-Z1.5	c	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM100x75-Z1.5	c	1	1	189.430	189.430,31	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU100-Z1.5	c	1	1	89.549	89.548,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM100x75-Z1.5	c	1	1	218.573	218.573,44	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU100-Z1.5	c	1	1	103.326	103.325,63	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 100x100, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 100x100 dày 1.5	3C-M100x100-Z1.5	m	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 100 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU100-Z1.5	m	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM100x100-Z1.5	c	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.5	3C-LNU100-Z1.5	c	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM100x100-Z1.5	c	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU100-Z1.5	c	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM100x100-Z1.5	c	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU100-Z1.5	c	1	1	68.884	68.883,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM100x100-Z1.5	c	1	1	223.872	223.872,19	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU100-Z1.5	c	1	1	89.549	89.548,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM100x100-Z1.5	c	1	1	258.314	258.314,06	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU100-Z1.5	c	1	1	103.326	103.325,63	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x50, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 150x50 dày 1.5	3C-M150x50-Z1.5	m	1	1	145.716	145.715,63	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phândày 1.5	3C-NU150-Z1.5	m	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM150x50-Z1.5	c	1	1	145.716	145.715,63	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU150-Z1.5	c	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM150x50-Z1.5	c	1	1	145.716	145.715,63	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU150-Z1.5	c	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM150x50-Z1.5	c	1	1	145.716	145.715,63	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU150-Z1.5	c	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM150x50-Z1.5	c	1	1	189.430	189.430,31	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU150-Z1.5	c	1	1	123.991	123.990,75	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM150x50-Z1.5	c	1	1	218.573	218.573,44	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU150-Z1.5	c	1	1	143.066	143.066,25	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x75, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 150x75 dày 1.5	3C-M150x75-Z1.5	m	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng150 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU150-Z1.5	m	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM150x75-Z1.5	c	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU150-Z1.5	c	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM150x75-Z1.5	c	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU150-Z1.5	c	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM150x75-Z1.5	c	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU150-Z1.5	c	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM150x75-Z1.5	c	1	1	223.872	223.872,19	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU150-Z1.5	c	1	1	123.991	123.990,75	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM150x75-Z1.5	c	1	1	258.314	258.314,06	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU150-Z1.5	c	1	1	143.066	143.066,25	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 150x100, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 150x100 dày 1.5	3C-M150x100-Z1.5	m	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 150 mạ điện phândày 1.5	3C-NU150-Z1.5	m	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm

3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM150x100-Z1.5	c	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU150-Z1.5	c	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM150x100-Z1.5	c	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU150-Z1.5	c	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM150x100-Z1.5	c	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU150-Z1.5	c	1	1	95.378	95.377,50	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM150x100-Z1.5	c	1	1	258.314	258.314,06	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU150-Z1.5	c	1	1	123.991	123.990,75	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM150x100-Z1.5	c	1	1	298.055	298.054,69	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU150-Z1.5	c	1	1	143.066	143.066,25	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x50, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x50 dày 1.5	3C-M200x50-Z1.5	m	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU200-Z1.5	m	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM200x50-Z1.5	c	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU200-Z1.5	c	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM200x50-Z1.5	c	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU200-Z1.5	c	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM200x50-Z1.5	c	1	1	172.209	172.209,38	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU200-Z1.5	c	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM200x50-Z1.5	c	1	1	223.872	223.872,19	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU200-Z1.5	c	1	1	158.433	158.432,63	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM200x50-Z1.5	c	1	1	258.314	258.314,06	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU200-Z1.5	c	1	1	182.807	182.806,88	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x75, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x75 dày 1.5	3C-M200x75-Z1.5	m	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU200-Z1.5	m	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM200x75-Z1.5	c	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU200-Z1.5	c	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM200x75-Z1.5	c	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU200-Z1.5	c	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM200x75-Z1.5	c	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU200-Z1.5	c	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM200x75-Z1.5	c	1	1	258.314	258.314,06	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU200-Z1.5	c	1	1	158.433	158.432,63	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM200x75-Z1.5	c	1	1	298.055	298.054,69	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU200-Z1.5	c	1	1	182.807	182.806,88	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x100, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x100 dày 1.5	3C-M200x100-Z1.5	m	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU200-Z1.5	m	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM200x100-Z1.5	c	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU200-Z1.5	c	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM200x100-Z1.5	c	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU200-Z1.5	c	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM200x100-Z1.5	c	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU200-Z1.5	c	1	1	121.871	121.871,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM200x100-Z1.5	c	1	1	292.756	292.755,94	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU200-Z1.5	c	1	1	158.433	158.432,63	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM200x100-Z1.5	c	1	1	337.795	337.795,31	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU200-Z1.5	c	1	1	182.807	182.806,88	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 250x50, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x50 dày 1.5	3C-M250x50-Z1.5	m	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm

2	Nắp máng 250 mạ điện phân dây 1.5	3C-NU250-Z1.5	m	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.5	3C-LM250x50-Z1.5	c	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.5	3C-LNU250-Z1.5	c	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.5	3C-CLM250x50-Z1.5	c	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.5	3C-CLNU250-Z1.5	c	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.5	3C-CXM250x50-Z1.5	c	1	1	198.703	198.703,13	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.5	3C-CXNU250-Z1.5	c	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 1.5	3C-TM250x50-Z1.5	c	1	1	258.314	258.314,06	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 1.5	3C-TNU250-Z1.5	c	1	1	192.875	192.874,50	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 1.5	3C-XM250x50-Z1.5	c	1	1	298.055	298.054,69	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.5	3C-XNU250-Z1.5	c	1	1	222.548	222.547,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 250x75, mạ điện phân, dây 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x75 dây 1.5	3C-M250x75-Z1.5	m	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 250 mạ điện phân dây 1.5	3C-NU250-Z1.5	m	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.5	3C-LM250x75-Z1.5	c	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.5	3C-LNU250-Z1.5	c	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.5	3C-CLM250x75-Z1.5	c	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.5	3C-CLNU250-Z1.5	c	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.5	3C-CXM250x75-Z1.5	c	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.5	3C-CXNU250-Z1.5	c	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 1.5	3C-TM250x75-Z1.5	c	1	1	292.756	292.755,94	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 1.5	3C-TNU250-Z1.5	c	1	1	192.875	192.874,50	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 1.5	3C-XM250x75-Z1.5	c	1	1	337.795	337.795,31	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.5	3C-XNU250-Z1.5	c	1	1	222.548	222.547,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 250x100, mạ kẽm, dây 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x100 dây 1.5	3C-M250x100-Z1.5	m	1	1	251.691	251.690,63	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 250 mạ điện phân dây 1.5	3C-NU250-Z1.5	m	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.5	3C-LM250x100-Z1.5	c	1	1	251.691	251.690,63	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.5	3C-LNU250-Z1.5	c	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.5	3C-CLM250x100-Z1.5	c	1	1	251.691	251.690,63	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.5	3C-CLNU250-Z1.5	c	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.5	3C-CXM250x100-Z1.5	c	1	1	251.691	251.690,63	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.5	3C-CXNU250-Z1.5	c	1	1	148.365	148.365,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T 1.5	3C-TM250x100-Z1.5	c	1	1	327.198	327.197,81	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 1.5	3C-TNU250-Z1.5	c	1	1	192.875	192.874,50	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 1.5	3C-XM250x100-Z1.5	c	1	1	377.536	377.535,94	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.5	3C-XNU250-Z1.5	c	1	1	222.548	222.547,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x50, mạ kẽm dây 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x50 dây 1.5	3C-M300x50-Z1.5	m	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dây 1.5	3C-NU300-Z1.5	m	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.5	3C-LM300x50-Z1.5	c	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.5	3C-LNU300-Z1.5	c	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.5	3C-CLM300x50-Z1.5	c	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.5	3C-CLNU300-Z1.5	c	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.5	3C-CXM300x50-Z1.5	c	1	1	225.197	225.196,88	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.5	3C-CXNU300-Z1.5	c	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 1.5	3C-TM300x50-Z1.5	c	1	1	292.756	292.755,94	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 1.5	3C-TNU300-Z1.5	c	1	1	227.316	227.316,38	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 1.5	3C-XM300x50-Z1.5	c	1	1	337.795	337.795,31	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.5	3C-XNU300-Z1.5	c	1	1	262.288	262.288,13	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x75, mạ kẽm, dây 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm

1	Máng cáp mạ điện phân 300x75 dày 1.5	3C-M300x75-Z1.5	m	1	1	251.691	251.690,63	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU300-Z1.5	m	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM300x75-Z1.5	c	1	1	251.691	251.690,63	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU300-Z1.5	c	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM300x75-Z1.5	c	1	1	251.691	251.690,63	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU300-Z1.5	c	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM300x75-Z1.5	c	1	1	251.691	251.690,63	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU300-Z1.5	c	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM300x75-Z1.5	c	1	1	327.198	327.197,81	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU300-Z1.5	c	1	1	227.316	227.316,38	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM300x75-Z1.5	c	1	1	377.536	377.535,94	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU300-Z1.5	c	1	1	262.288	262.288,13	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x100, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x100 dày 1.5	3C-M300x100-Z1.5	m	1	1	278.184	278.184,38	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU300-Z1.5	m	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM300x100-Z1.5	c	1	1	278.184	278.184,38	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU300-Z1.5	c	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM300x100-Z1.5	c	1	1	278.184	278.184,38	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU300-Z1.5	c	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM300x100-Z1.5	c	1	1	278.184	278.184,38	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU300-Z1.5	c	1	1	174.859	174.858,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM300x100-Z1.5	c	1	1	361.640	361.639,69	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU300-Z1.5	c	1	1	227.316	227.316,38	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM300x100-Z1.5	c	1	1	417.277	417.276,56	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU300-Z1.5	c	1	1	262.288	262.288,13	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 350x75, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 350x75 dày 1.5	3C-M350x75-Z1.5	m	1	1	278.184	278.184,38	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng350 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU350-Z1.5	m	1	1	201.353	201.352,50	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang)dày 1.5	3C-LM350x75-Z1.5	c	1	1	278.184	278.184,38	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU350-Z1.5	c	1	1	201.353	201.352,50	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM350x75-Z1.5	c	1	1	278.184	278.184,38	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU350-Z1.5	c	1	1	201.353	201.352,50	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM350x75-Z1.5	c	1	1	278.184	278.184,38	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU350-Z1.5	c	1	1	201.353	201.352,50	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM350x75-Z1.5	c	1	1	361.640	361.639,69	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU350-Z1.5	c	1	1	261.758	261.758,25	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM350x75-Z1.5	c	1	1	417.277	417.276,56	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU350-Z1.5	c	1	1	302.029	302.028,75	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 350x100, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 350x100 dày 1.5	3C-M350x100-Z1.5	m	1	1	304.678	304.678,13	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng350 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU350-Z1.5	m	1	1	201.353	201.352,50	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM350x100-Z1.5	c	1	1	304.678	304.678,13	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU350-Z1.5	c	1	1	201.353	201.352,50	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM350x100-Z1.5	c	1	1	304.678	304.678,13	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU350-Z1.5	c	1	1	201.353	201.352,50	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM350x100-Z1.5	c	1	1	304.678	304.678,13	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU350-Z1.5	c	1	1	201.353	201.352,50	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM350x100-Z1.5	c	1	1	396.082	396.081,56	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU350-Z1.5	c	1	1	261.758	261.758,25	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM350x100-Z1.5	c	1	1	457.017	457.017,19	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU350-Z1.5	c	1	1	302.029	302.028,75	3CElectric/ 02 năm

	Máng cáp 400x75, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 400x75 dày 1.5	3C-M400x75-Z1.5	m	1	1	304.678	304.678,13	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 400 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU400-Z1.5	m	1	1	227.846	227.846,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM400x75-Z1.5	c	1	1	304.678	304.678,13	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU400-Z1.5	c	1	1	227.846	227.846,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM400x75-Z1.5	c	1	1	304.678	304.678,13	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU400-Z1.5	c	1	1	227.846	227.846,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM400x75-Z1.5	c	1	1	304.678	304.678,13	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU400-Z1.5	c	1	1	227.846	227.846,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM400x75-Z1.5	c	1	1	396.082	396.081,56	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU400-Z1.5	c	1	1	296.200	296.200,13	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM400x75-Z1.5	c	1	1	457.017	457.017,19	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU400-Z1.5	c	1	1	341.769	341.769,38	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 400x100, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 400x100 dày 1.5	3C-M400x100-Z1.5	m	1	1	331.172	331.171,88	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 400 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU400-Z1.5	m	1	1	227.846	227.846,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM400x100-Z1.5	c	1	1	331.172	331.171,88	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU400-Z1.5	c	1	1	227.846	227.846,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM400x100-Z1.5	c	1	1	331.172	331.171,88	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU400-Z1.5	c	1	1	227.846	227.846,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM400x100-Z1.5	c	1	1	331.172	331.171,88	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU400-Z1.5	c	1	1	227.846	227.846,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM400x100-Z1.5	c	1	1	430.523	430.523,44	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU400-Z1.5	c	1	1	296.200	296.200,13	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM400x100-Z1.5	c	1	1	496.758	496.757,81	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU400-Z1.5	c	1	1	341.769	341.769,38	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 450x75, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 450x75 dày 1.5	3C-M450x75-Z1.5	m	1	1	331.172	331.171,88	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 450 mạ điện phândày 1.5	3C-NU450-Z1.5	m	1	1	254.340	254.340,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM450x75-Z1.5	c	1	1	331.172	331.171,88	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU450-Z1.5	c	1	1	254.340	254.340,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM450x75-Z1.5	c	1	1	331.172	331.171,88	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU450-Z1.5	c	1	1	254.340	254.340,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM450x75-Z1.5	c	1	1	331.172	331.171,88	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU450-Z1.5	c	1	1	254.340	254.340,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM450x75-Z1.5	c	1	1	430.523	430.523,44	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU450-Z1.5	c	1	1	330.642	330.642,00	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM450x75-Z1.5	c	1	1	496.758	496.757,81	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU450-Z1.5	c	1	1	381.510	381.510,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 450x100, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 450x100 dày 1.5	3C-M450x100-Z1.5	m	1	1	357.666	357.665,63	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 450 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU450-Z1.5	m	1	1	254.340	254.340,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM450x100-Z1.5	c	1	1	357.666	357.665,63	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU450-Z1.5	c	1	1	254.340	254.340,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM450x100-Z1.5	c	1	1	357.666	357.665,63	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU450-Z1.5	c	1	1	254.340	254.340,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM450x100-Z1.5	c	1	1	357.666	357.665,63	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU450-Z1.5	c	1	1	254.340	254.340,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM450x100-Z1.5	c	1	1	464.965	464.965,31	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU450-Z1.5	c	1	1	330.642	330.642,00	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM450x100-Z1.5	c	1	1	536.498	536.498,44	3CElectric/ 02 năm

12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU450-Z1.5	c	1	1	381.510	381.510,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 500x100, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 500x100 dày 1.5	3C-M500x100-Z1.5	m	1	1	384.159	384.159,38	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 500 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU500-Z1.5	m	1	1	280.834	280.833,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM500x100-Z1.5	c	1	1	384.159	384.159,38	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU500-Z1.5	c	1	1	280.834	280.833,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM500x100-Z1.5	c	1	1	384.159	384.159,38	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU500-Z1.5	c	1	1	280.834	280.833,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM500x100-Z1.5	c	1	1	384.159	384.159,38	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU500-Z1.5	c	1	1	280.834	280.833,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM500x100-Z1.5	c	1	1	499.407	499.407,19	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU500-Z1.5	c	1	1	365.084	365.083,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM500x100-Z1.5	c	1	1	576.239	576.239,06	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU500-Z1.5	c	1	1	421.251	421.250,63	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 600x100, mạ điện phân, dày 1.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 600x100 dày 1.5	3C-M600x100-Z1.5	m	1	1	437.147	437.146,88	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 600 mạ điện phân dày 1.5	3C-NU600-Z1.5	m	1	1	333.821	333.821,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM600x100-Z1.5	c	1	1	437.147	437.146,88	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU600-Z1.5	c	1	1	333.821	333.821,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM600x100-Z1.5	c	1	1	437.147	437.146,88	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU600-Z1.5	c	1	1	333.821	333.821,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM600x100-Z1.5	c	1	1	437.147	437.146,88	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU600-Z1.5	c	1	1	333.821	333.821,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM600x100-Z1.5	c	1	1	612.006	612.005,63	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU600-Z1.5	c	1	1	467.350	467.349,75	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM600x100-Z1.5	c	1	1	786.864	786.864,38	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU600-Z1.5	c	1	1	600.878	600.878,25	3CElectric/ 02 năm
	IV MÁNG CÁP - VẬT LIỆU THÉP CT3, MẠ ĐIỆN PHÂN, DÀY 2.0MM				1		-	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x75, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x75 dày 2.0	3C-M200x75-Z2.0	m	1	1	253.163	253.162,50	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU200-Z2.0	m	1	1	155.273	155.273,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM200x75-Z2.0	c	1	1	253.163	253.162,50	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU200-Z2.0	c	1	1	155.273	155.273,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM200x75-Z2.0	c	1	1	253.163	253.162,50	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU200-Z2.0	c	1	1	155.273	155.273,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM200x75-Z2.0	c	1	1	253.163	253.162,50	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU200-Z2.0	c	1	1	155.273	155.273,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM200x75-Z2.0	c	1	1	329.111	329.111,25	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU200-Z2.0	c	1	1	201.855	201.854,90	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM200x75-Z2.0	c	1	1	379.744	379.743,75	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU200-Z2.0	c	1	1	232.910	232.909,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 200x100, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 200x100 dày 2.0	3C-M200x100-Z2.0	m	1	1	286.918	286.917,50	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 200 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU200-Z2.0	m	1	1	155.273	155.273,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM200x100-Z2.0	c	1	1	286.918	286.917,50	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU200-Z2.0	c	1	1	155.273	155.273,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM200x100-Z2.0	c	1	1	286.918	286.917,50	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU200-Z2.0	c	1	1	155.273	155.273,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM200x100-Z2.0	c	1	1	286.918	286.917,50	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU200-Z2.0	c	1	1	155.273	155.273,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM200x100-Z2.0	c	1	1	372.993	372.992,75	3CElectric/ 02 năm

10	Nắp T dây 2.0	3C-TNU200-Z2.0	c	1	1	201.855	201.854,90	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 2.0	3C-XM200x100-Z2.0	c	1	1	430.376	430.376,25	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 2.0	3C-XNU200-Z2.0	c	1	1	232.910	232.909,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 250x100, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 250x100 dây 2.0	3C-M250x100-Z2.0	m	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 250 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU250-Z2.0	m	1	1	189.028	189.028,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 2.0	3C-LM250x100-Z2.0	c	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngan dây 2.0	3C-LNU250-Z2.0	c	1	1	189.028	189.028,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 2.0	3C-CLM250x100-Z2.0	c	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 2.0	3C-CLNU250-Z2.0	c	1	1	189.028	189.028,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 2.0	3C-CXM250x100-Z2.0	c	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 2.0	3C-CXNU250-Z2.0	c	1	1	189.028	189.028,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 2.0	3C-TM250x100-Z2.0	c	1	1	416.874	416.874,25	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 2.0	3C-TNU250-Z2.0	c	1	1	245.736	245.736,40	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 2.0	3C-XM250x100-Z2.0	c	1	1	481.009	481.008,75	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 2.0	3C-XNU250-Z2.0	c	1	1	283.542	283.542,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x100, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân300x100 dây 2.0	3C-M300x100-Z2.0	m	1	1	354.428	354.427,50	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU300-Z2.0	m	1	1	222.783	222.783,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 2.0	3C-LM300x100-Z2.0	c	1	1	354.428	354.427,50	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 2.0	3C-LNU300-Z2.0	c	1	1	222.783	222.783,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 2.0	3C-CLM300x100-Z2.0	c	1	1	354.428	354.427,50	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 2.0	3C-CLNU300-Z2.0	c	1	1	222.783	222.783,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 2.0	3C-CXM300x100-Z2.0	c	1	1	354.428	354.427,50	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 2.0	3C-CXNU300-Z2.0	c	1	1	222.783	222.783,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 2.0	3C-TM300x100-Z2.0	c	1	1	460.756	460.755,75	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 2.0	3C-TNU300-Z2.0	c	1	1	289.618	289.617,90	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 2.0	3C-XM300x100-Z2.0	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 2.0	3C-XNU300-Z2.0	c	1	1	334.175	334.174,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 350x100, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 350x100 dây 2.0	3C-M350x100-Z2.0	m	1	1	388.183	388.182,50	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 350 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU350-Z1.5	m	1	1	256.538	256.538,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 2.0	3C-LM350x100-Z2.0	c	1	1	388.183	388.182,50	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 2.0	3C-LNU350-Z1.5	c	1	1	256.538	256.538,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 2.0	3C-CLM350x100-Z2.0	c	1	1	388.183	388.182,50	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 2.0	3C-CLNU350-Z2.0	c	1	1	256.538	256.538,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 2.0	3C-CXM350x100-Z2.0	c	1	1	388.183	388.182,50	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 2.0	3C-CXNU350-Z2.0	c	1	1	256.538	256.538,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 2.0	3C-TM350x100-Z2.0	c	1	1	504.637	504.637,25	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 2.0	3C-TNU350-Z2.0	c	1	1	333.499	333.499,40	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 2.0	3C-XM350x100-Z2.0	c	1	1	582.274	582.273,75	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 2.0	3C-XNU350-Z2.0	c	1	1	384.807	384.807,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 400x100, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 400x100 dây 2.0	3C-M400x100-Z2.0	m	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng cáp mạ điện phân dày 2.0	3C-NU400-Z2.0	m	1	1	290.293	290.293,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 2.0	3C-LM400x100-Z2.0	c	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU400-Z2.0	c	1	1	290.293	290.293,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 2.0	3C-CLM400x100-Z2.0	c	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 2.0	3C-CLNU400-Z2.0	c	1	1	290.293	290.293,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 2.0	3C-CXM400x100-Z2.0	c	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 2.0	3C-CXNU400-Z2.0	c	1	1	290.293	290.293,00	3CElectric/ 02 năm

9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM400x100-Z2.0	c	1	1	552.907	552.906,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU400-Z2.0	c	1	1	377.381	377.380,90	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM400x100-Z2.0	c	1	1	637.970	637.969,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU400-Z2.0	c	1	1	435.440	435.439,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 400x150, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 400x150 dày 2.0	3C-M400x150-Z2.0	m	1	1	492.823	492.823,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng rộng 400 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU400-Z2.0	m	1	1	290.293	290.293,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM400x150-Z2.0	c	1	1	492.823	492.823,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU400-Z2.0	c	1	1	290.293	290.293,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM400x150-Z2.0	c	1	1	492.823	492.823,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU400-Z2.0	c	1	1	290.293	290.293,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM400x150-Z2.0	c	1	1	492.823	492.823,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU400-Z2.0	c	1	1	290.293	290.293,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM400x150-Z2.0	c	1	1	640.670	640.669,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU400-Z2.0	c	1	1	377.381	377.380,90	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM400x150-Z2.0	c	1	1	739.235	739.234,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU400-Z2.0	c	1	1	435.440	435.439,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 450x100, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 450x100 dày 2.0	3C-M450x100-Z2.0	m	1	1	459.068	459.068,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 450 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU450-Z2.0	m	1	1	324.048	324.048,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM450x100-Z2.0	c	1	1	459.068	459.068,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU450-Z2.0	c	1	1	324.048	324.048,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM450x100-Z2.0	c	1	1	459.068	459.068,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU450-Z2.0	c	1	1	324.048	324.048,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM450x100-Z2.0	c	1	1	459.068	459.068,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU450-Z2.0	c	1	1	324.048	324.048,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM450x100-Z2.0	c	1	1	596.788	596.788,40	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU450-Z2.0	c	1	1	421.262	421.262,40	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM450x100-Z2.0	c	1	1	688.602	688.602,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU450-Z2.0	c	1	1	486.072	486.072,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 450x150, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 450x150 dày 2.0	3C-M450x150-Z2.0	m	1	1	526.578	526.578,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 450 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU450-Z2.0	m	1	1	324.048	324.048,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM450x150-Z2.0	c	1	1	526.578	526.578,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU450-Z2.0	c	1	1	324.048	324.048,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM450x150-Z2.0	c	1	1	526.578	526.578,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU450-Z2.0	c	1	1	324.048	324.048,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM450x150-Z2.0	c	1	1	526.578	526.578,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU450-Z2.0	c	1	1	324.048	324.048,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM450x150-Z2.0	c	1	1	684.551	684.551,40	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU450-Z2.0	c	1	1	421.262	421.262,40	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM450x150-Z2.0	c	1	1	789.867	789.867,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU450-Z2.0	c	1	1	486.072	486.072,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 500x100, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 500x100 dày 2.0	3C-M500x100-Z2.0	m	1	1	492.823	492.823,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 500, mạ điện phân dày 2.0	3C-NU500-Z2.0	m	1	1	357.803	357.803,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM500x100-Z2.0	c	1	1	492.823	492.823,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU500-Z2.0	c	1	1	357.803	357.803,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM500x100-Z2.0	c	1	1	492.823	492.823,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU500-Z2.0	c	1	1	357.803	357.803,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM500x100-Z2.0	c	1	1	492.823	492.823,00	3CElectric/ 02 năm

8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU500-Z2.0	c	1	1	357.803	357.803,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM500x100-Z2.0	c	1	1	640.670	640.669,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU500-Z2.0	c	1	1	465.144	465.143,90	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM500x100-Z2.0	c	1	1	739.235	739.234,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU500-Z2.0	c	1	1	536.705	536.704,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 500x150, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 500x150 dày 2.0	3C-M500x150-Z2.0	m	1	1	560.333	560.333,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 500, mạ điện phân dày 2.0	3C-NU500-Z2.0	m	1	1	357.803	357.803,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM500x150-Z2.0	c	1	1	560.333	560.333,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU500-Z2.0	c	1	1	357.803	357.803,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM500x150-Z2.0	c	1	1	560.333	560.333,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU500-Z2.0	c	1	1	357.803	357.803,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM500x150-Z2.0	c	1	1	560.333	560.333,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU500-Z2.0	c	1	1	357.803	357.803,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM500x150-Z2.0	c	1	1	728.433	728.432,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU500-Z2.0	c	1	1	465.144	465.143,90	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM500x150-Z2.0	c	1	1	840.500	840.499,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU500-Z2.0	c	1	1	536.705	536.704,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 600x100, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 600x100 dày 2.0	3C-M600x100-Z2.0	m	1	1	560.333	560.333,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 600 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU600-Z2.0	m	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM600x100-Z2.0	c	1	1	560.333	560.333,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU600-Z2.0	c	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM600x100-Z2.0	c	1	1	560.333	560.333,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU600-Z2.0	c	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM600x100-Z2.0	c	1	1	560.333	560.333,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU600-Z2.0	c	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM600x100-Z2.0	c	1	1	728.433	728.432,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU600-Z2.0	c	1	1	552.907	552.906,90	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM600x100-Z2.0	c	1	1	840.500	840.499,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X sơn tĩnh điện dày 2.0	3C-XNU600-Z2.0	c	1	1	637.970	637.969,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 600x150, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 600x150 dày 2.0	3C-M600x150-Z2.0	m	1	1	627.843	627.843,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 600 mạ điện phân dày 2.0	3C-NU600-Z2.0	m	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM600x150-Z2.0	c	1	1	627.843	627.843,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU600-Z2.0	c	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM600x150-Z2.0	c	1	1	627.843	627.843,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU600-Z2.0	c	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM600x150-Z2.0	c	1	1	627.843	627.843,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU600-Z2.0	c	1	1	425.313	425.313,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM600x150-Z2.0	c	1	1	816.196	816.195,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU600-Z2.0	c	1	1	552.907	552.906,90	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM600x150-Z2.0	c	1	1	941.765	941.764,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X sơn tĩnh điện dày 2.0	3C-XNU600-Z2.0	c	1	1	637.970	637.969,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 700x100, mạ điện phân, dày 2.0mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 700x100 dày 2.0	3C-M700x100-Z2.0	m	1	1	627.843	627.843,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 700 mạ điện phân dày 2.0 (có tăng cứng)	3C-NU700-Z2.0	m	1	1	517.464	517.464,15	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM700x100-Z2.0	c	1	1	627.843	627.843,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 2.0	3C-LNU700-S1.2	c	1	1	517.464	517.464,15	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM700x100-Z2.0	c	1	1	627.843	627.843,00	3CElectric/ 02 năm

6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU700-Z2.0	c	1	1	517.464	517.464,15	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM700x100-Z2.0	c	1	1	627.843	627.843,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU700-Z2.0	c	1	1	517.464	517.464,15	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM700x100-Z2.0	c	1	1	816.196	816.195,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU700-Z2.0	c	1	1	672.703	672.703,40	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM700x100-Z2.0	c	1	1	941.765	941.764,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU700-Z2.0	c	1	1	776.196	776.196,23	3CElectric/ 02 năm
Máng cáp 700x150, mạ điện phân, dày 2.0mm					1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 700x150 dày 2.0	3C-M700x150-Z2.0	m	1	1	695.353	695.353,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 700 mạ điện phân dày 2.0(bao gồm tăng cứng)	3C-NU700-Z2.0	m	1	1	517.464	517.464,15	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM700x150-Z2.0	c	1	1	695.353	695.353,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L dày 2.0	3C-LNU700-S1.2	c	1	1	517.464	517.464,15	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM700x150-Z2.0	c	1	1	695.353	695.353,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU700-Z2.0	c	1	1	517.464	517.464,15	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM700x150-Z2.0	c	1	1	695.353	695.353,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU700-Z2.0	c	1	1	517.464	517.464,15	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM700x100-Z2.0	c	1	1	903.959	903.958,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU700-Z2.0	c	1	1	672.703	672.703,40	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM700x150-Z2.0	c	1	1	1.043.030	1.043.029,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU700-Z2.0	c	1	1	776.196	776.196,23	3CElectric/ 02 năm
Máng cáp 800x100, mạ điện phân, dày 2.0mm					1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 800x100 dày 2.0	3C-M800x100-Z2.0	m	1	1	695.353	695.353,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 800 mạ điện phân dày 2.0 (bao gồm tăng cứng)	3C-NU800-Z2.0	m	1	1	588.350	588.349,65	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM800x100-Z2.0	c	1	1	695.353	695.353,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU800-Z2.0	c	1	1	588.350	588.349,65	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM800x100-Z2.0	c	1	1	695.353	695.353,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU800-Z2.0	c	1	1	588.350	588.349,65	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM800x100-Z2.0	c	1	1	695.353	695.353,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU800-Z2.0	c	1	1	588.350	588.349,65	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM800x100-Z2.0	c	1	1	903.959	903.958,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU800-Z2.0	c	1	1	764.855	764.854,55	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM800x100-Z2.0	c	1	1	1.043.030	1.043.029,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU800-Z2.0	c	1	1	882.524	882.524,48	3CElectric/ 02 năm
Máng cáp 800x150, mạ điện phân, dày 2.0mm					1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 800x150 dày 2.0	3C-M800x150-Z2.0	m	1	1	762.863	762.863,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 800 mạ điện phân dày 2.0 (Bao gồm tăng cứng)	3C-NU800-Z2.0	m	1	1	588.350	588.349,65	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM800x150-Z2.0	c	1	1	762.863	762.863,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU800-Z2.0	c	1	1	588.350	588.349,65	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM800x150-Z2.0	c	1	1	762.863	762.863,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU800-Z2.0	c	1	1	588.350	588.349,65	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM800x150-Z2.0	c	1	1	762.863	762.863,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU800-Z2.0	c	1	1	588.350	588.349,65	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM800x150-Z2.0	c	1	1	991.722	991.721,90	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU800-Z2.0	c	1	1	764.855	764.854,55	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM800x150-Z2.0	c	1	1	1.144.295	1.144.294,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU800-Z2.0	c	1	1	882.524	882.524,48	3CElectric/ 02 năm
V MÁNG CÁP - VẬT LIỆU THÉP CT3, SON TÍNH ĐIỆN, DÀY 2.5MM					1		-	3CElectric/ 02 năm
Máng cáp 300x75, mạ điện phân, dày 2.5mm					1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x75 dày 2.5	3C-M300x75-Z2.5	m	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng cáp mạ điện phân dày 2.5	3C-NU300-Z2.5	m	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm

3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM300x75-Z2.5	c	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU300-Z2.5	c	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM300x75-Z2.5	c	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU300-Z2.5	c	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM300x75-Z2.5	c	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU300-Z2.5	c	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM300x75-Z2.5	c	1	1	526.578	526.578,00	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU300-Z2.5	c	1	1	362.022	362.022,38	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM300x75-Z2.5	c	1	1	607.590	607.590,00	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU300-Z2.5	c	1	1	417.718	417.718,13	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x100, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x100 dày 2.5	3C-M300x100-Z2.5	m	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU300-Z2.5	m	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM300x100-Z2.5	c	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU300-Z2.5	c	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM300x100-Z2.5	c	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU300-Z2.5	c	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM300x100-Z2.5	c	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU300-Z2.5	c	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM300x100-Z2.5	c	1	1	581.430	581.429,88	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU300-Z2.5	c	1	1	362.022	362.022,38	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM300x100-Z2.5	c	1	1	670.881	670.880,63	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU300-Z2.5	c	1	1	417.718	417.718,13	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 300x150, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 300x150 dày 2.5	3C-M300x150-Z2.5	m	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 300 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU300-Z2.5	m	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM300x150-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU300-Z2.5	c	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM300x150-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU300-Z2.5	c	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM300x150-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU300-Z2.5	c	1	1	278.479	278.478,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM300x150-Z2.5	c	1	1	691.134	691.133,63	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU300-Z2.5	c	1	1	362.022	362.022,38	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM300x150-Z2.5	c	1	1	797.462	797.461,88	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU300-Z2.5	c	1	1	417.718	417.718,13	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 350x100, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 350x100 dày 2.5	3C-M350x100-Z2.5	m	1	1	489.448	489.447,50	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 350 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU350-Z2.5	m	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM350x100-Z2.5	c	1	1	489.448	489.447,50	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU350-Z2.5	c	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM350x100-Z2.5	c	1	1	489.448	489.447,50	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU350-Z2.5	c	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM350x100-Z2.5	c	1	1	489.448	489.447,50	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU350-Z2.5	c	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM350x100-Z2.5	c	1	1	636.282	636.281,75	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU350-Z2.5	c	1	1	416.874	416.874,25	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM350x100-Z2.5	c	1	1	734.171	734.171,25	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU350-Z2.5	c	1	1	481.009	481.008,75	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 350x150, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 350x150 dày 2.5	3C-M350x150-Z2.5	m	1	1	573.835	573.835,00	3CElectric/ 02 năm

2	Nắp máng 350 mạ điện phân dây 2.5	3C-NU350-Z2.5	m	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 2.5	3C-LM350x150-Z2.5	c	1	1	573.835	573.835,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 2.5	3C-LNU350-Z2.5	c	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 2.5	3C-CLM350x150-Z2.5	c	1	1	573.835	573.835,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 2.5	3C-CLNU350-Z2.5	c	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 2.5	3C-CXM350x150-Z2.5	c	1	1	573.835	573.835,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 2.5	3C-CXNU350-Z2.5	c	1	1	320.673	320.672,50	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 2.5	3C-TM350x150-Z2.5	c	1	1	745.986	745.985,50	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 2.5	3C-TNU350-Z2.5	c	1	1	416.874	416.874,25	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 2.5	3C-XM350x150-Z2.5	c	1	1	860.753	860.752,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 2.5	3C-XNU350-Z2.5	c	1	1	481.009	481.008,75	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 400x100, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 400x100 dây 2.5	3C-M400x100-Z2.5	m	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 400 mạ điện phân dây 2.5	3C-NU400-Z2.5	m	1	1	362.866	362.866,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 2.5	3C-LM400x100-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 2.5	3C-LNU400-Z2.5	c	1	1	362.866	362.866,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 2.5	3C-CLM400x100-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 2.5	3C-CLNU400-Z2.5	c	1	1	362.866	362.866,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 2.5	3C-CXM400x100-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 2.5	3C-CXNU400-Z2.5	c	1	1	362.866	362.866,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 2.5	3C-TM400x100-Z2.5	c	1	1	691.134	691.133,63	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 2.5	3C-TNU400-Z2.5	c	1	1	471.726	471.726,13	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 2.5	3C-XM400x100-Z2.5	c	1	1	797.462	797.461,88	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 2.5	3C-XNU400-Z2.5	c	1	1	544.299	544.299,38	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 400x150, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 400x150 dây 2.5	3C-M400x150-Z2.5	m	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 400 mạ điện phân dây 2.5	3C-NU400-Z2.5	m	1	1	362.866	362.866,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 2.5	3C-LM400x150-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 2.5	3C-LNU400-Z2.5	c	1	1	362.866	362.866,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 2.5	3C-CLM400x150-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 2.5	3C-CLNU400-Z2.5	c	1	1	362.866	362.866,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 2.5	3C-CXM400x150-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 2.5	3C-CXNU400-Z2.5	c	1	1	362.866	362.866,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 2.5	3C-TM400x150-Z2.5	c	1	1	800.837	800.837,38	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 2.5	3C-TNU400-Z2.5	c	1	1	471.726	471.726,13	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dây 2.5	3C-XM400x150-Z2.5	c	1	1	924.043	924.043,13	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 2.5	3C-XNU400-Z2.5	c	1	1	544.299	544.299,38	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 450x100, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 450x100 dây 2.5	3C-M450x100-Z2.5	m	1	1	573.835	573.835,00	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 450 mạ điện phân dây 2.5	3C-NU450-Z2.5	m	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 2.5	3C-LM450x100-Z2.5	c	1	1	573.835	573.835,00	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 2.5	3C-LNU450-Z2.5	c	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 2.5	3C-CLM450x100-Z2.5	c	1	1	573.835	573.835,00	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 2.5	3C-CLNU450-Z2.5	c	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 2.5	3C-CXM450x100-Z2.5	c	1	1	573.835	573.835,00	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 2.5	3C-CXNU450-Z2.5	c	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dây 2.5	3C-TM450x100-Z2.5	c	1	1	745.986	745.985,50	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dây 2.5	3C-TNU450-Z2.5	c	1	1	526.578	526.578,00	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X son dây 2.5	3C-XM450x100-Z2.5	c	1	1	860.753	860.752,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dây 2.5	3C-XNU450-Z2.5	c	1	1	607.590	607.590,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 450x150, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm

1	Máng cáp mạ điện phân 450x150 dày 2.5	3C-M450x150-Z2.5	m	1	1	658.223	658.222,50	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 450 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU450-Z2.5	m	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM450x100-Z2.5	c	1	1	658.223	658.222,50	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU450-Z2.5	c	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM450x150-Z2.5	c	1	1	658.223	658.222,50	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU450-Z2.5	c	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM450x150-Z2.5	c	1	1	658.223	658.222,50	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU450-Z2.5	c	1	1	405.060	405.060,00	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM450x150-Z2.5	c	1	1	855.689	855.689,25	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU450-Z2.5	c	1	1	526.578	526.578,00	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X sơn dày 2.5	3C-XM450x150-Z2.5	c	1	1	987.334	987.333,75	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU450-Z2.5	c	1	1	607.590	607.590,00	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 500x100, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 500x100 dày 2.5	3C-M500x100-Z2.5	m	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 500 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU500-Z2.5	m	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM500x100-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU500-Z2.5	c	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM500x100-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU500-Z2.5	c	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM500x100-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU500-Z2.5	c	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM500x100-Z2.5	c	1	1	800.837	800.837,38	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU500-Z2.5	c	1	1	581.430	581.429,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM500x100-Z2.5	c	1	1	924.043	924.043,13	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU500-Z2.0	c	1	1	670.881	670.880,63	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 500x150, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 500x150 dày 2.5	3C-M500x150-Z2.5	m	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 500 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU500-Z2.5	m	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM500x150-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU500-Z2.5	c	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM500x150-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU500-Z2.5	c	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM500x150-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU500-Z2.5	c	1	1	447.254	447.253,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM500x150-Z2.5	c	1	1	910.541	910.541,13	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU500-Z2.5	c	1	1	581.430	581.429,88	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM500x150-Z2.5	c	1	1	1.050.624	1.050.624,38	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU500-Z2.0	c	1	1	670.881	670.880,63	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 600x100, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 600x100 dày 2.5	3C-M600x100-Z2.5	m	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 600 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU600-Z2.5	m	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM600x100-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU600-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM600x100-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU600-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM600x100-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU600-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM600x100-Z2.5	c	1	1	980.583	980.582,75	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU600-Z2.5	c	1	1	744.298	744.297,75	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM600x100-Z2.5	c	1	1	1.260.749	1.260.749,25	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU600-Z2.5	c	1	1	956.954	956.954,25	3CElectric/ 02 năm

	Máng cáp 600x150, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 600x150 dày 2.5	3C-M600x150-Z2.5	m	1	1	784.804	784.803,75	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 600 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU600-Z2.5	m	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM600x150-Z2.5	c	1	1	784.804	784.803,75	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU600-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM600x150-Z2.5	c	1	1	784.804	784.803,75	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU600-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM600x150-Z2.5	c	1	1	784.804	784.803,75	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU600-Z2.5	c	1	1	531.641	531.641,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM600x150-Z2.5	c	1	1	1.098.725	1.098.725,25	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU600-Z2.5	c	1	1	744.298	744.297,75	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM600x150-Z2.5	c	1	1	1.412.647	1.412.646,75	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU600-Z2.5	c	1	1	956.954	956.954,25	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 700x100, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 700x100 dày 2.5	3C-M700x100-Z2.5	m	1	1	784.804	784.803,75	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 700 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU700-Z2.5	m	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM700x100-Z2.5	c	1	1	784.804	784.803,75	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU700-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM700x100-Z2.5	c	1	1	784.804	784.803,75	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU700-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM700x100-Z2.5	c	1	1	784.804	784.803,75	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU700-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM700x100-Z2.5	c	1	1	1.177.206	1.177.205,63	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp Tn dày 2.5	3C-TNU700-Z2.5	c	1	1	924.043	924.043,13	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM700x100-Z2.5	c	1	1	1.569.608	1.569.607,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU700-Z2.5	c	1	1	1.232.058	1.232.057,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 700x150, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 700x150 dày 2.5	3C-M700x150-Z2.5	m	1	1	869.191	869.191,25	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 700 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU700-Z2.5	m	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM700x150-Z2.5	c	1	1	869.191	869.191,25	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU700-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM700x150-Z2.5	c	1	1	869.191	869.191,25	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU700-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM700x150-Z2.5	c	1	1	869.191	869.191,25	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU700-Z2.5	c	1	1	616.029	616.028,75	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM700x150-Z2.5	c	1	1	1.303.787	1.303.786,88	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp Tn dày 2.5	3C-TNU700-Z2.5	c	1	1	924.043	924.043,13	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM700x150-Z2.5	c	1	1	1.738.383	1.738.382,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU700-Z2.5	c	1	1	1.232.058	1.232.057,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 800x100, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 800x100 dày 2.5	3C-M800x100-Z2.5	m	1	1	869.191	869.191,25	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 800 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU800-Z2.5	m	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM800x100-Z2.5	c	1	1	869.191	869.191,25	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU800-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM800x100-Z2.5	c	1	1	869.191	869.191,25	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLNU800-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM800x100-Z2.5	c	1	1	869.191	869.191,25	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU800-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM800x100-Z2.5	c	1	1	1.303.787	1.303.786,88	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU800-Z2.5	c	1	1	1.050.624	1.050.624,38	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM800x100-Z2.5	c	1	1	1.738.383	1.738.382,50	3CElectric/ 02 năm

12	Nắp cút nối X dây 2.5	3C-XNU800-Z2.5	c	1	1	1.400.833	1.400.832,50	3CElectric/ 02 năm
	Máng cáp 800x150, mạ điện phân, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Máng cáp mạ điện phân 800x150 dày 2.5	3C-M800x150-Z2.5	m	1	1	953.579	953.578,75	3CElectric/ 02 năm
2	Nắp máng 800 mạ điện phân dày 2.5	3C-NU800-Z2.5	m	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM800x150-Z2.5	c	1	1	953.579	953.578,75	3CElectric/ 02 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU800-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM800x150-Z2.5	c	1	1	953.579	953.578,75	3CElectric/ 02 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU800-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM800x150-Z2.5	c	1	1	953.579	953.578,75	3CElectric/ 02 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU800-Z2.5	c	1	1	700.416	700.416,25	3CElectric/ 02 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM800x150-Z2.5	c	1	1	1.430.368	1.430.368,13	3CElectric/ 02 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU800-Z2.5	c	1	1	1.050.624	1.050.624,38	3CElectric/ 02 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM800x150-Z2.5	c	1	1	1.907.158	1.907.157,50	3CElectric/ 02 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU800-Z2.5	c	1	1	1.400.833	1.400.832,50	3CElectric/ 02 năm

PHỤ KIỆN THĂNG MÁNG CÁP

	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng tole ZAM dày 2.0mm, 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/ 02 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50ZAM	3C-NTM50ZAM2.0	C	1	1	7.959	7.958,96	3CElectric/ 02 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75ZAM	3C-NTM75ZAM2.0	C	1	1	12.696	12.696,43	3CElectric/ 02 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100ZAM	3C-NTM100ZAM2.0	C	1	1	16.408	16.408,38	3CElectric/ 02 năm
4	Nối Thang Máng Cáp H150ZAM	3C-NTM150ZAM2.0	C	1	1	23.743	23.743,11	3CElectric/ 02 năm
	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng Tole mạ hợp kim Nhôm-Kẽm (mạ lạnh) dày 2.0mm, 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/ 02 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50AZ	3C-NTM50AZ2.0	C	1	1	7.491	7.490,78	3CElectric/ 02 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75AZ	3C-NTM75AZ2.0	C	1	1	11.950	11.949,58	3CElectric/ 02 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100AZ	3C-NTM100AZ2.0	C	1	1	15.383	15.382,86	3CElectric/ 02 năm
4	Nối Thang Máng Cáp H150AZ	3C-NTM150AZ2.0	C	1	1	20.577	20.577,36	3CElectric/ 02 năm
	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng thép mạ kẽm nhúng nóng , dày 2.0mm, 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/ 02 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50Z	3C-NTM50Z2.0	C	1	1	9.363	9.363,48	3CElectric/ 02 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75Z	3C-NTM75Z2.0	C	1	1	14.937	14.936,98	3CElectric/ 02 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100Z	3C-NTM100Z2.0	C	1	1	18.459	18.459,43	3CElectric/ 02 năm
4	Nối Thang Máng Cáp H150Z	3C-NTM150Z2.0	C	1	1	26.909	26.908,86	3CElectric/ 02 năm
	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng tole ZAM dày 1.5mm , 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/ 02 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50ZAM	3C-NTM50ZAM1.5	C	1	1	6.089	6.088,60	3CElectric/ 02 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75ZAM	3C-NTM75ZAM1.5	C	1	1	9.713	9.712,77	3CElectric/ 02 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100ZAM	3C-NTM100ZAM1.5	C	1	1	12.552	12.552,41	3CElectric/ 02 năm
	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng Tole mạ hợp kim Nhôm-Kẽm (mạ lạnh) dày 1.5mm , 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/ 02 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50AZ	3C-NTM50AZ1.5	C	1	1	5.730	5.730,45	3CElectric/ 02 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75AZ	3C-NTM75AZ1.5	C	1	1	9.141	9.141,43	3CElectric/ 02 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100AZ	3C-NTM100AZ1.5	C	1	1	11.768	11.767,89	3CElectric/ 02 năm
	Bulông đai ốc chuyên dùng cho lắp nối TMC			1			-	3CElectric/ 02 năm
1	Bộ Bulong M8x15 mũ cầu cổ vuông, mạ kẽm (gồm 1 Bulong + 01 Ecu + 01 vòng đệm)	B-CM8x15W4-Z	Bộ	1	1	1.120	1.120,00	3CElectric/ 02 năm
2	Bộ Bulong M8x15 mũ cầu cổ vuông, INOX201(gồm 1 Bulong + 01 Ecu + 01 vòng đệm)	B-CM8x15W4-201	Bộ	1	1	1.940	1.940,40	3CElectric/ 02 năm
3	Bộ Bulong M8x15 mũ cầu cổ vuông, INOX304(gồm 1 Bulong + 01 Ecu + 01 vòng đệm)	B-CM8x15W4-304	Bộ	1	1	2.426	2.425,50	3CElectric/ 02 năm

4	Bộ Bulong M8x15 mũ cầu cổ vuông, INOX316(gồm 1 Bulong + 01 Ecu + 01 vòng đệm)	B-CM8x15W4-316	Bộ	1	1	4.410	4.410,00	3CElectric/ 02 năm
	Phụ kiện thi công				1		-	3CElectric/ 02 năm
1	Tyren mạ kẽm M8 cây dài 2m	Tyren M8-2m	Cây	1	1	22.000	22.000,00	3CElectric/ 02 năm
2	Tyren mạ kẽm M10 cây dài 2m	Tyren M10-2m	Cây	1	1	42.000	42.000,00	3CElectric/ 02 năm
3	E-Cu lục giác M8 mạ kẽm	E-L6M8	cái	1	1	400	400,00	3CElectric/ 02 năm
4	E-Cu lục giác M10 mạ kẽm	E-L6M10	cái	1	1	500	500,00	3CElectric/ 02 năm
5	Vòng đệm M8 mạ kẽm	FW-M8	cái	1	1	200	200,00	3CElectric/ 02 năm
6	Vòng đệm M10 mạ kẽm	FW-M10	cái	1	1	220	220,00	3CElectric/ 02 năm
	Cộng							
	Thuế GTGT (8%)							
	Tổng cộng (Đã bao gồm 8% thuế VAT)							
	Ghi chú đặc biệt- Cút Z tiêu chuẩn :	Z300x100xH200 (cao độ = 2 lần chiều cao của MC), Giá bán tính = 2 lần giá Co lên, hoặc co xuống cùng chiều rộng và chiều cao						
	Ghi chú về tính chất của vật liệu :	Tole ZAM và Tole mạ hợp kim nhôm kẽm đều có tính chất chống ăn mòn (Chống gỉ) nhờ tính chất hóa học của lớp mạ có Nhôm sẽ tạo màng Oxit nhôm ngay khi bề mặt bị xước, vết cắt, vết đột lỗ...Do vậy hoàn toàn có thể sử dụng thay thế cho mạ kẽm nhúng nóng (Có thể gửi cho khách hàng tham khảo về Tole ZAM và Tole mạ hợp kim nhôm-Kẽm)						
	Ghi chú về độ bền và bảo trì sản phẩm	Khuyến cáo tuyệt vời nhất là tất cả các loại TMC đều nên sử dụng chỉ tiết nối này bằng Tole ZAM và luôn dùng loại dầu 1.5 đến 2mm cho tất cả, bulong (M8x15 cổ vuông) thì luôn dùng Inox 201 như vậy không làm tăng giá thành đáng kể và đảm bảo tất cả có độ bền hơn 50 năm và có khả năng tháo ra lắp lại nhiều lần (vì sản xuất bulong nhỏ hơn M14 chỉ có thể là công nghệ mạ điện, hoặc làm bằng INOX. Mạ điện có khả năng chống gỉ rất hạn chế muốn tăng độ bền chỉ có cách bôi mỡ bảo quản thường xuyên, hoặc sơn bảo quản trực tiếp lên chỗ Bulong...với TMC điều này rất không thực tế).						

- Điều kiện thương mại:**
- + Vật liệu chính : Thép tiêu chuẩn JIS-G-3131-2010, hoặc tương đương. Loại sơn 3CElectric sử dụng 100% là Sơn Jotun (Đây là loại sơn tốt nhất trên thị trường hiện tại, có độ bền cao, thân thiện với môi trường)
 - + Thời gian giao hàng : Trong vòng 05-10 ngày kể từ ngày nhận được tiền đặt cọc.
 - + Địa điểm giao hàng : Theo yêu cầu của bên mua. Chi phí vận chuyển bên mua chịu (Xem xét từng điều kiện cụ thể, tạo điều kiện phù hợp nhất cho bên mua)
 - + Thời gian bảo hành : xem cột bên phải BG
 - + Điều khoản thanh toán : Đặt cọc 30% - 40 % giá trị đơn hàng ngay sau khi ký HĐ. Giá trị còn lại thanh toán trong vòng 10-15 ngày (Trong từng trường hợp cụ thể bên Mua bảo lãnh thanh toán qua ngân hàng)
 - + Hiệu lực báo giá: 30 ngày kể từ ngày báo giá
- Xin trân trọng cảm ơn và mong sớm nhận được sự hợp tác từ quý Công ty!*

3C-HÀ NỘI

3C-TTT: 11 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, TP HN
3C-AK: Số 06 A16, Đô thị Geleximco, Phường Tây Mỗ, TP Hà Nội

3C-HCM

Lô số 16LK2 - KĐT Hà Đô, Phường Thới An, TP HCM

3C-ĐN

B3 khu nam cầu Cẩm Lệ, Hòa Xuân, TP Đà Nẵng

3C-NHÀ MÁY

Đội 9, Xã Tây Phương, TP Hà Nội